TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2023/KDTM-ST
Ngày: 16 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN G, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Hoàng Thị Chinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liễu;

Bà Lê Thị Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo Vy là Thư ký Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Đinh Hương Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2023, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 102/2022/TLST-KDTM ngày 12 tháng 12 năm 2022 về: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 104/2023/QĐXXST-KDTM ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 127/2023/QĐST-KDTM ngày 24 tháng 4 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng T; Trụ sở: Số 57 phố Lý Thường K, phường Trần Hưng Đ, quận H, Thành phố H; Địa chỉ liên hệ: Lầu 8, Tòa nhà TPBank – DoJi, số 214 đường Phan Đăng L, Phường, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Tạ Thành P; Địa chỉ: Lầu 8, Tòa nhà TPBank – DoJi, số 214 đường Phan Đăng L, Phường, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 614/2022/GUQ -TPB.CMC ngày 17/11/2022) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Công ty T; Trụ sở: Số 583/27 đường Lê Đức T, Phường 16, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Tất T - Chức vụ: Giám đốc – là người đại diện theo pháp luật; Địa chỉ: Thôn Quán L, xã Lương L, huyện Thanh B, tỉnh P (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 29/11/2022, trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là Ngân hàng)- ông Tạ Thành P trình bày:

Ngày 01/6/2018 Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) có ký với Công ty T (gọi tắt là Công ty Thời Trang To) Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng mã số 001 và Hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01, Ngân hàng đồng ý cho Công ty T vay số tiền 755.000.000 đồng, (Trong đó: mục đích vay mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán TCC 278 ngày 09/5/2018 và các phụ lục đi kèm (nếu có) số tiền 670.000.000 đồng và vay mua ô tô tăng thêm tỷ lệ 85.000.000 đồng), thời hạn vay đối với số tiền 670.000.000 đồng là 72 tháng và số tiền vay 85.000.000 đồng, thời hạn vay là 36 tháng,

Tại Khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018: Lãi suất áp dụng đối với số tiền 670.000.000 đồng, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ cho đến ngày 01/6/2019 là 8,4%/năm, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần và bằng lãi suất cơ sở 03 tháng áp dụng cho khách hàng doanh nghiệp của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,4%/năm. Lãi suất áp dụng đối với số tiền 85.000.000 đồng, lãi suất cố định 18%/năm.

Để bảo đảm cho khoản vay, Ngân hàng và bên vay đã thống nhất áp dụng biện pháp thế chấp tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại CAPTIVA, số khung: 264EJH951928, số máy: LE9180890087, biển kiểm soát 51G-618.70, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2018 cho Công ty T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1685/2018/HĐBD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký thế chấp tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/6/2018 theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty T đã trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ là 523.206.939 đồng (trong đó: nợ gốc đã trả là 358.226.860 đồng và nợ lãi trong hạn là 164.980.079 đồng). Từ ngày 02/9/2021 Công ty T đã phát sinh nợ quá hạn, Ngân hàng đã gửi thông báo nhắc nhở, đôn đốc nợ thì Công ty T cũng hợp tác và tiếp tục thực hiện theo hợp đồng. Nhưng từ ngày 23/3/2022 cho đến nay Công ty T đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Vì vậy, Ngân hàng đã chuyển toàn bộ số nợ gốc và lãi của Công ty T sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc Công ty T phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tính đến ngày xét xử 16/5/2022 số tiền là: 401.778.676 đồng, trong đó: nợ gốc là 311.773.140 đồng, nợ lãi trong hạn là 48.343.834 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.661.702 đồng.

Ngoài ra, Công ty T vẫn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả kể từ ngày 17/5/2023 theo Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng mã số 001 và Hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 Khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 đã ký cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên.

Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty T không thanh toán số nợ nêu trên, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại CAPTIVA, số khung: 264EJH951928, số máy: LE9180890087, biển kiểm soát 51G-618.70, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2018 cho Công ty T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1685/2018/HĐBD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 để thu hồi nợ.

Hiện tại, phía ngân hàng đang giữ bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2018. Còn tài sản thế chấp là ôtô nêu trên do phía Công ty T đang quản lý, sử dụng.

2. Bị đơn Công ty T:

Bị đơn không có ý kiến phản đối đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên Tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên ý kiến .

3. Tại phiên Tòa sơ thẩm:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận G tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự chấp hành đúng trình tự, thủ tục tố tụng do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án*:

Công ty T có vay tiền của Ngân hàng, có hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018, do đó có cơ sở xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Công ty T có trụ sở tại quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Về người tham gia tố tụng*:

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn Ngân hàng T là ông Tạ Thành P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty T đã được Tòa án triệu tập, tống đạt hợp lệ các Thông báo thụ lý, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng Công ty T vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Theo khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định: "Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có

trong hồ sơ vụ việc". Bị đơn đã từ bỏ quyền được chứng minh của mình nên Tòa án xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử xác định Công ty T có vay của Ngân hàng T số tiền 755.000.000 đồng theo hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 và khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 và Công ty T có thế chấp tài sản bảo đảm là xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại CAPTIVA, số khung: 264EJH951928, số máy: LE9180890087, biển kiểm soát 51G-618.70, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2018 cho Công ty T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1685/2018/HĐBD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 là sự thật. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ gốc là 311.773.140 đồng (ba trăm mười một triệu bảy trăm bảy ba nghìn một trăm bốn mươi đồng) theo hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 và khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 là phù hợp với khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3].Về tiền lãi:

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả nợ lãi trong hạn là 48.343.834 đồng và nợ lãi quá hạn là 41.661.702 đồng theo bảng chiết tính lãi của Ngân hàng lập ngày 12/9/2023 phù hợp với mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng quy định: *"Tổ chức tín dụng và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật"* nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét nguyên đơn yêu cầu bị đơn tiếp tục trả tiền lãi quá hạn, tiền phạt chậm trả theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 Khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ trên là có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về thời hạn và phương thức thanh toán:

Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử cần buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc, lãi và phạt chậm trả, trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[5] Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm:

Trong trường hợp bị đơn không thanh toán số nợ vay nêu trên thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp là xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại CAPTIVA, số khung: 264EJH951928, số máy: LE9180890087, biển số đăng ký: 51G-618.70, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/5/2018 cho Công ty T theo hợp đồng thế chấp tài sản số 1685/2018/HĐBD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 để thu hồi nợ. Theo hợp đồng thế chấp thì tài sản thế chấp do bên thế chấp quản lý và sử dụng nên nguyên đơn

cũng không biết và không có ý kiến gì về việc hiện nay ai đang quản lý sử dụng chiếc xe nên Tòa án không thể tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ và không thể xác định người đang quản lý, sử dụng chiếc xe nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ vào hợp đồng thế chấp tài sản số 1685/2018/HĐBD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 giữa bên nhận thế chấp là Ngân hàng và bên thế chấp là chủ sở hữu tài sản hợp pháp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 295 Bộ luật dân sự năm 2015. Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm nên hợp đồng có hiệu lực theo Điều 293 Bộ luật dân sự năm 2015. Do đó, yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm trên của Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 299, Điều 320 và Điều 323 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp: Về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 238, Điều 266, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 293, Điều 295, Điều 299, Điều 320, Điều 323, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

1.1. Buộc Công ty T phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng cộng số tiền 401.778.676 đồng (trong đó bao gồm nợ gốc: 311.773.140 đồng; lãi trong hạn: 48.343.834 đồng và lãi quá hạn: 41.661.702 đồng) theo hợp đồng Hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 và Khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018

Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty T còn phải tiếp tục trả lãi cho Ngân hàng T trên số tiền nợ gốc còn nợ theo mức lãi suất quá hạn thỏa thuận tại

Thỏa thuận chung về cung cấp và sử dụng tín dụng tại Ngân hàng mã số 001 và Hợp đồng cho vay số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 và Khế ước giải ngân và nhận nợ số 1685/2018/HĐTD/TTB MN1/01 ngày 01/6/2018 cho đến khi trả hết số nợ trên. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ, thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Ngay khi Công ty T thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán nêu trên thì Ngân hàng T có nghĩa vụ trả cho Công ty T bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số: 366900, biển số đăng ký: 51G-618.70 do Phòng cảnh sát giao thông, Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/05/2018.

1.3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Xe ô tô con nhãn hiệu Chevrolet, số loại CAPTIVA, số khung: 264EJH951928, số máy: LE9180890087, biển số đăng ký: 51G-618.70, giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 366900 do phòng Cảnh sát giao thông công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty T ngày 29/5/2018.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.071.147 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 9.150.902 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2022/0012298 ngày 12/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. G;
- Chi cục THADS Q. G;
- Các đương sự;
- Lưu, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Chinh